

Số: /BC-UBND

Bình Lưu, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (Thời điểm báo cáo từ 12/5 - 12/6/2026)

Thực hiện Công văn số 1789/UBND -VX ngày 17/3/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo Trung ương giao trên hệ thống <https://theodoinq.dcs.vn> và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ Nghị quyết số 57-NQ/TW. UBND xã Bình Lưu báo cáo cụ thể như sau:

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

UBND xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Thông qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy của đội ngũ cán bộ, đảng viên về vai trò, ý nghĩa của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, phát huy quyết tâm chính trị, tạo động lực mới trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, từng bước hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo

Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW xã, UBND xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, xuyên suốt việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Để triển khai hiệu quả Nghị quyết, Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo cơ quan tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ bằng chương trình, kế hoạch và giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, làm cơ sở tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

3. Công tác tuyên truyền, quán triệt

UBND xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bằng nhiều hình thức phù hợp. Phát động phong trào “Mỗi cán bộ, công chức làm chủ một công cụ số”; hướng dẫn cán bộ, công chức và Nhân dân cài đặt, sử dụng hiệu quả các nền tảng số như ChatGPT, VNeID và các nhóm Zalo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin tại cơ sở. Đồng thời, duy trì chuyên mục “Chuyển đổi số cùng cộng đồng” trên hệ thống truyền thanh cơ sở và các nhóm Zalo của bản nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng số, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân.

B. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026

UBND xã đã tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 377/KH-UBND ngày 11/3/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Bình Lư.

Đồng thời, triển khai thực hiện Kế hoạch số 532/KH-UBND ngày 27/3/2026 về hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã Bình Lư năm 2026 nhằm phát huy vai trò của các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ Công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số và dịch vụ số.

Các kế hoạch được triển khai tập trung vào nhiệm vụ phát triển chuyển đổi số gắn với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, từng bước xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn.

2. Thống kê số cuộc họp/Phiên họp của Ban Chỉ đạo/Thường trực Ban Chỉ đạo/lãnh đạo Ban Chỉ đạo với Thường trực Tổ giúp việc và các cơ quan liên quan: Không.

3. Thống kê các nhiệm vụ thực hiện: Các nhiệm vụ thường xuyên tiếp tục được duy trì nhằm thực hiện có hiệu quả theo nhiệm vụ trong kế hoạch.

4. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua Hệ thống pagn.nq57.vn và các kênh có liên quan: Không.

5. Việc báo cáo Trung ương các tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm cần thiết cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCCN, ĐMST, CDS) trên Hệ thống pagn.nq57.vn: Không.

II. VỀ BẢO ĐẢM NGUỒN NHÂN LỰC : Tính đến thời điểm báo cáo

chưa tổ chức lớp tập huấn cho các đối tượng là cán bộ, công chức, tổ công nghệ số cộng đồng.

III. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS: Không

IV. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

a) Tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ hoàn thành

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt. Triển khai thiết lập và duy trì hoạt động bảo đảm các nguyên tắc thống nhất trong tổ chức, quản lý, kết nối và bảo đảm an toàn thông tin đường truyền để phục vụ các ứng dụng chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị có tính kế thừa, không ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương sau khi chia tách, sáp nhập, giải thể. Đến nay, hệ thống mạng hoạt động cơ bản ổn định, đảm bảo cho hoạt động của xã; các hoạt động điều hành, tác nghiệp được đảm bảo an toàn, thông suốt trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Về cơ bản 100% các bản trên địa bàn xã đã phủ sóng mạng 4G, đảm bảo nhu cầu thông tin và truy cập Internet của người dân. Góp phần vào phủ rộng tiện ích của chuyển đổi số, ứng dụng số vào các hoạt động của đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội (*Trên địa bàn xã có 02 trạm BTS phủ sóng 5G, trên 40 trạm BTS phủ sóng mạng 4G*).

b) Nhận xét, đánh giá : Hạ tầng kỹ thuật cơ bản đảm bảo cho các nhiệm vụ thực hiện công việc chuyên môn và nhu cầu truy cập Internet của người dùng.

2. Về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến

2.1. Tình hình kết quả thực hiện

- Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến tháng 06/2026: từ 12/5 - 12/6/2026.

+ Tổng số TTHC: 399 thủ tục; số lượng TTHC trực tuyến toàn trình: 43 thủ tục, một phần, trực tiếp: 356 thủ tục.

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận theo kỳ báo cáo trong tháng: 418 hồ sơ, trong đó lũy kế: 41 hồ sơ. Số lượng hồ sơ trực tuyến: 376/376 hồ sơ, tỷ lệ 100%. Số lượng hồ sơ trực tuyến toàn trình 56/56 hồ sơ, tỷ lệ 100%.

+ Việc số hóa, cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu: Tỷ lệ số hóa đạt 99,56 %, tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 94,67%, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu : 95,42%.

- Việc thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới:

+ Xã đã công bố thực hiện 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết và đã đi vào vận hành thực tế, đến nay vẫn chưa có hồ sơ nào cần giải quyết- Việc thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới:

+ Xã đã công bố thực hiện 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết và

đã đi vào vận hành thực tế, đến nay vẫn chưa có hồ sơ nào cần giải quyết.

2.2. Nhận xét, đánh giá

- Kết quả thực hiện số hóa đảm bảo chỉ tiêu đề ra và không có nguy cơ lãng phí liên quan đến việc số hóa.

- Ưu điểm: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, và trực tuyến toàn trình đạt mức cao, tỷ lệ số hoá ổn định, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra. Công chức bộ phận một cửa và chuyên môn chủ động hướng dẫn, hỗ trợ người dân; tích cực cập nhật hệ thống, hạn chế hồ sơ trễ hạn; không phát sinh phản ánh, kiến nghị về thái độ phục vụ đối với người dân của Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2.3. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân:

- Tỷ lệ số hóa và tái sử dụng dữ liệu chưa đạt mức tuyệt đối; một số trường hợp vẫn phải rà soát, bổ sung thông tin.

- Hạ tầng kỹ thuật và đường truyền phụ thuộc hệ thống cấp trên; Đang cập nhật các thủ tục hành chính theo hệ thống mới của các bộ nên khi xảy ra lỗi kỹ thuật có thể ảnh hưởng tiến độ xử lý.

- Nguyên nhân: Một số hồ sơ dữ liệu chưa được chuẩn hóa đầy đủ nên khi tích hợp lên hệ thống phải rà soát, hiệu chỉnh lại.

2.4. Giải pháp khắc phục

a) Đối với hạn chế về số hóa và tái sử dụng dữ liệu

- Chuẩn hóa dữ liệu ngay từ khâu tiếp nhận: Thực hiện kiểm tra, đối soát thông tin công dân theo mã định danh cá nhân; bảo đảm nhập liệu đúng, đủ, thống nhất định dạng ngay từ đầu để hạn chế chỉnh sửa về sau.

- Tăng cường khai thác chức năng tái sử dụng dữ liệu: Hướng dẫn cán bộ sử dụng triệt để các tiện ích tự động điền, trích xuất thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, giảm yêu cầu người dân cung cấp lại giấy tờ.

- Bồi dưỡng kỹ năng số cho công chức: Tổ chức tập huấn chuyên sâu về thao tác hệ thống, kỹ năng chuẩn hóa hồ sơ điện tử, hạn chế sai sót kỹ thuật.

b) Đối với hạn chế về hạ tầng kỹ thuật và phụ thuộc hệ thống cấp trên

- Chủ động phối hợp với cơ quan quản lý hệ thống: Kịp thời phản ánh, báo cáo lỗi kỹ thuật; đề xuất hỗ trợ xử lý nhanh khi phát sinh sự cố.

- Xây dựng phương án dự phòng trong xử lý hồ sơ: Khi hệ thống gián đoạn, thực hiện tiếp nhận, hướng dẫn người dân kê khai sẵn, cập nhật ngay khi hệ thống vận hành ổn định, bảo đảm không làm chậm tiến độ chung.

- Nâng cấp, bảo trì thiết bị tại đơn vị: Kiểm tra định kỳ máy tính, máy quét, đường truyền nội bộ; thay thế thiết bị xuống cấp nhằm bảo đảm vận hành thông suốt.

- Theo dõi, đánh giá thời gian xử lý thực tế: Phân tích các thời điểm hệ thống quá tải để chủ động điều tiết thời gian tiếp nhận, xử lý hồ sơ phù hợp.

c) Trách nhiệm của Trung tâm Phục vụ hành chính công và công chức chuyên môn

- Chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng nhập liệu, chuẩn hóa hồ sơ điện tử, cập nhật và khai thác dữ liệu trên hệ thống.

- Chịu trách nhiệm khi để xảy ra sai sót kỹ thuật trong quá trình số hóa hoặc chưa khai thác triệt để chức năng tái sử dụng dữ liệu.

- Chủ động theo dõi, phản ánh kịp thời các lỗi hệ thống; trường hợp chậm báo cáo làm ảnh hưởng tiến độ giải quyết hồ sơ thì phải chịu trách nhiệm theo phân công nhiệm vụ.

3. Về việc xây dựng, hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và các nền tảng, ứng dụng số

Các phần mềm dùng chung luôn đảm bảo liên thông, đồng bộ trong quá trình thực hiện công việc trên môi trường điện tử.

4. Về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu

- Đảm bảo trong việc cài đặt các phần mềm diệt viruts trên các máy tính của cán bộ, công chức đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Hiện tại UBND xã đã thiết lập và sử dụng 01 máy tính truyền dữ liệu mật phục vụ công việc (*Đã đề nghị cấp 04 tài khoản để phục vụ cho Hệ thống truyền dữ liệu mật*).

V. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp

- Ứng dụng máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất: Đưa vào sử dụng máy làm đất, máy tuốt lúa, máy sấy nông sản; khuyến khích tổ hợp tác...

- Ứng dụng KH&CN trong chăn nuôi: Áp dụng quy trình chăn nuôi hữu cơ, xử lý chất thải bằng men vi sinh, sử dụng cảm biến nhiệt độ chuồng trại để kiểm soát dịch bệnh. Phương thức sản xuất tiếp tục chuyển đổi sang hướng tập trung, trang trại gắn với an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Một số hộ ở bản Tân Bình, Hưng Bình, Nà Đa... đã sử dụng camera giám sát chuồng trại qua điện thoại, giúp tiết kiệm nhân công, giảm rủi ro.

2. Đổi mới sáng tạo trong kinh tế nông thôn và du lịch cộng đồng

Xã Bình Lư có tiềm năng du lịch sinh thái, văn hóa dân tộc Thái, Dao, Mông... UBND xã khuyến khích các hộ kinh doanh du lịch, homestay ứng dụng công nghệ truyền thông, quảng bá sản phẩm qua nền tảng mạng xã hội (Facebook, TikTok, Zalo, Google Maps). Tăng cường hướng dẫn quay video, dựng clip giới thiệu văn hoá, đời sống sinh hoạt tại các bản du lịch cộng đồng, di tích thắng cảnh,

sản phẩm OCOP, trải nghiệm ẩm thực, nghề dệt thổ cẩm, thu hút khách du lịch, nâng cao thu nhập.

Các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ từng bước sử dụng mã QR để giới thiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản, đặc biệt là Miến dong Bình Lư, gạo Ség Cù, mật ong, thổ cẩm và dược liệu bản địa. Một số hộ dân mạnh dạn bán hàng trực tuyến trên Zalo, Shopee, TikTok Shop, giúp mở rộng thị trường tiêu thụ, không phụ thuộc vào thương lái trung gian.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, du lịch đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ và du lịch, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, lao động và tăng thu nhập cho người dân.

3. Tăng cường thương mại điện tử và thanh toán số

- Đẩy mạnh hoạt động của nhóm “Bình Lư Digital” để trao đổi, chia sẻ thông tin, hướng dẫn và phối hợp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số; trong thời gian qua, nhóm “Bình Lư Digital” đã hướng dẫn người dân đăng ký gian hàng điện tử trên sàn thương mại điện tử, tạo bước chuyển rõ nét trong tiêu thụ nông sản địa phương.

- Các điểm bán hàng, chợ nông thôn từng bước chuyển đổi sang mô hình “Chợ 4.0 – không tiền mặt”, góp phần thúc đẩy văn minh thương mại và minh bạch tài chính ở cơ sở.

4. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Công tác quản lý, sử dụng chữ ký số được thực hiện chặt chẽ; chỉ đạo rà soát, đăng ký cấp bổ sung thiết bị Token chữ ký số cho cán bộ, công chức nhằm phục vụ nhiệm vụ chuyên môn. Tiếp tục phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu và Công ty Công nghệ Kỹ Nguyên mới hoàn tất các bước kỹ thuật của thí điểm 04 nhóm mô hình tại xã¹.

VI. VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST, CDS: Không.

VII. VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ

UBND xã đã quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương, quy

¹ Nhóm 1. Triển khai NLP ngôn ngữ đồng bào dân tộc (lựa chọn 03 ngôn ngữ). Mục tiêu: Hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, dịch vụ công, tuyên truyền chính sách bằng ngôn ngữ quen thuộc; giám rà soát ngôn ngữ ở vùng sâu vùng xa.

Nhóm 2. Bot trợ lý ảo phục vụ người dân và cơ quan nhà nước. Mục tiêu: Tạo một “kênh một cửa thông minh” hỗ trợ 24/7: hỏi - đáp thủ tục, tư vấn chính sách, tuyên truyền nội dung nhà nước; giảm tải quầy, tổng đài, cán bộ tuyến đầu.

Nhóm 3: Trung tâm điều hành thông minh cấp xã (IOC xã) - giám sát camera và báo cáo chỉ số. Mục tiêu: Hình thành năng lực điều hành theo dữ liệu tại cấp xã: giám sát - cảnh báo - tổng hợp báo cáo nhanh, phục vụ lãnh đạo xã và liên thông báo cáo lên tỉnh.

Nhóm 4. Công nghệ quản lý & truyền thông - thương mại đặc sản. Mục tiêu: Tăng năng lực quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc; đồng thời tạo kênh truyền thông - bán hàng hiện đại cho đặc sản (ví dụ: sâm, chè, dược liệu, nông sản OCOP...).

định của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan. Tăng cường ứng dụng các phần mềm dùng chung, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số, họp trực tuyến và xử lý công việc trên môi trường điện tử nhằm giảm chi phí hành chính, tiết kiệm thời gian, giấy tờ và nâng cao hiệu quả công việc.

Đồng thời, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu dùng chung, nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài sản công, ngân sách nhà nước; góp phần phòng ngừa thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Qua đó, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và cải cách hành chính.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về tinh thần chủ động đề xuất nhiệm vụ, không trông chờ giao việc

- Cấp ủy và người đứng đầu thể hiện vai trò lãnh đạo thông qua việc nắm chắc tình hình cơ sở, chủ động dự báo sớm các vấn đề phát sinh để đề xuất nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, thay vì chỉ chờ chỉ đạo từ Ban Chỉ đạo hoặc cấp trên.

- Chủ động rà soát các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, đơn vị trên cơ sở nghị quyết, chương trình công tác toàn khóa và hằng năm.

- Chủ động đề xuất các mô hình, sáng kiến phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhất là trong các lĩnh vực then chốt như cải cách hành chính, chuyển đổi số, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ.

2. Về xác định rõ nhiệm vụ và phân công tổ chức thực hiện

- Một trong những thước đo năng lực lãnh đạo là khả năng “chuyển chủ trương thành việc làm cụ thể”.

- Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi trong năm 2026, tránh dàn trải.

- Cụ thể hóa thành kế hoạch với mục tiêu, chỉ tiêu, lộ trình, thời gian hoàn thành rõ ràng.

- Phân công trách nhiệm cụ thể đến từng tập thể, cá nhân; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

- Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát, định kỳ đánh giá tiến độ.

3. Về kết quả thực hiện, tiến độ, mục tiêu và sản phẩm cụ thể

- Đánh giá trách nhiệm không dừng ở “đã ban hành bao nhiêu văn bản”, mà phải căn cứ vào sản phẩm đầu ra và hiệu quả thực tế.

- Các nội dung cần làm rõ:

+ Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm (hoàn thành đúng hạn, chậm tiến độ, chưa hoàn thành).

+ Sản phẩm cụ thể của từng nhiệm vụ: đề án, quy chế, mô hình, hệ thống vận hành thực tế, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp...

+ Hiệu quả mang lại: cải thiện chất lượng phục vụ Nhân dân, tiết kiệm thời gian – chi phí, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính.

4. Về kiến nghị những vấn đề vượt thẩm quyền

- Tinh thần trách nhiệm không chỉ là làm trong phạm vi quyền hạn, mà còn phải biết chủ động báo cáo, đề xuất xử lý những vấn đề vượt thẩm quyền.

- Kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, nguồn lực.

- Có văn bản đề xuất rõ nội dung, căn cứ pháp lý, thực trạng và phương án đề xuất, tránh kiến nghị chung chung.

5. Về chủ động phối hợp trong triển khai nhiệm vụ liên quan

- Chủ động trao đổi, thống nhất với các cơ quan, đơn vị liên quan ngay từ khâu xây dựng kế hoạch.

- Xác định rõ đầu mối chịu trách nhiệm chính và cơ chế phối hợp.

- Kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh, không để ách tắc kéo dài do thiếu trao đổi thông tin.

- Việc phối hợp hiệu quả sẽ giúp sử dụng nguồn lực hợp lý, tránh trùng lặp, giảm chi phí xã hội và nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị tháng 6 của UBND xã Bình Lư./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT: ĐU, HĐND xã (B/c);
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Như Hợp